

PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRONG GIA ĐÌNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỪ GÓC NHÌN GIỚI

TRẦN HẠNH MINH PHƯƠNG

Phân công lao động theo giới không phải là vấn đề mới đối với những nhà nghiên cứu xã hội. Tuy nhiên, những nghiên cứu trước đây thường phân chia hai loại công việc: tạo ra thu nhập và không tạo ra thu nhập trong sự phân công lao động ở gia đình như là chỉ báo của sự bất bình đẳng về giới. Bài viết này cho rằng sự phân công lao động theo giới trong gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long không mang tính chất bất bình đẳng giới mà là sự phân công theo năng lực của giới. Người đàn ông là những người có sức khỏe và nắm các kỹ thuật sản xuất sẽ đảm trách công việc tạo nên nguồn thu nhập cho gia đình. Người phụ nữ chia sẻ gánh nặng kinh tế với người chồng bằng những công việc nhẹ nhàng hơn, phù hợp với giới nữ. Sự phân công lao động hợp lý ấy nhằm đảm bảo sự phát triển của gia đình.

Từ xa xưa, trong xã hội loài người, do những đặc điểm sinh học khác nhau giữa cơ thể đàn ông và phụ nữ, nên đã có sự phân công lao động theo giới: đàn ông săn bắn, phụ nữ hái lượm và chăm sóc con cái (Marx và Engel, 1984, dẫn theo Trần Thị Vân Nương, 2013, tr. 33-34). Nhưng sự phân công lao động theo giới trong xã hội hiện đại không chỉ xuất phát từ nguồn gốc

sinh học mà còn chịu sự chi phối của những yếu tố khác, như văn hóa, trình độ học vấn, địa bàn cư trú, bối cảnh xã hội. Sự phân công lao động theo giới trong gia đình phần nào phản ánh phương thức sinh kế và sự san sẻ trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình. Do đó, nghiên cứu sự phân công lao động theo giới có thể cho biết vai trò giới trong gia đình và xã hội.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn thông qua dữ liệu khảo sát của đề tài *Bất bình đẳng giới về giáo dục, việc làm, thu nhập và nghèo đói ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay: Tiếp cận nhân học và xã hội học (2014)*⁽¹⁾ để tìm hiểu sự phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình ở

Trần Hạnh Minh Phương. Tiến sĩ. Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài *Bất bình đẳng giới về giáo dục, việc làm, thu nhập và nghèo đói ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay: Tiếp cận nhân học và xã hội học* do Nafoted tài trợ, mã số IV.3-2012.23, chủ nhiệm: PGS.TS. Nguyễn Văn Tiệp.

vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay diễn ra như thế nào và sự phân công đó có thể hiện sự bất bình đẳng giới không?

1. ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ ĐẶC ĐIỂM MẪU KHẢO SÁT

1.1. Địa bàn nghiên cứu

Bốn địa bàn nghiên cứu thuộc bốn tỉnh (Long An, An Giang, Cần Thơ và Cà Mau) của Đồng bằng sông Cửu Long đại diện cho bốn hình thức sản xuất ở địa phương: lúa hai vụ ở vùng nhiễm phèn Đồng Tháp Mười (xã Khánh Hưng), lúa và hoa màu vùng đất phù sa ngọt (xã Kiến An), lúa cao sản ba vụ vùng đất phù sa ngọt vùng nằm giữa sông Tiền và sông Hậu (xã Vĩnh Trinh) và nuôi trồng thủy sản bán đảo Cà Mau (xã Tân Hưng Đông). Việc chúng tôi chọn bốn mô hình sản xuất nhằm làm rõ mối quan hệ giữa phân công lao động với phương thức sinh kế của các hộ gia đình.

1.2. Đặc điểm mẫu khảo sát

Dung lượng mẫu khảo sát định lượng là 320 hộ gia đình có đủ vợ chồng và con cái, trong 320 người trả lời có 119 nam và 201 nữ, người lớn tuổi nhất sinh năm 1945 và người nhỏ tuổi nhất sinh năm 1992. Tỷ lệ phân theo nhóm tuổi như sau: Dưới 30 tuổi chiếm 10,6%, từ 31-49 tuổi chiếm 65,3% và trên 50 tuổi có 24,1%. Trình độ học vấn của người được phỏng vấn tương đối thấp: mù chữ 11,6%, cấp I 41,6%, cấp II 36,6%, cấp III 7,2% và trung cấp, cao đẳng, đại học 3,1%. Phần lớn các hộ dân là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo (43,8%), không theo tôn giáo

(34,1%) hoặc tín đồ Phật giáo (15,6%); tín đồ Công giáo (2,2%) và Cao Đài (4,4%). Nghề nghiệp của người được phỏng vấn: trồng trọt (29,4%), làm thuê nông nghiệp (15,9%), buôn bán và dịch vụ (15%), viên chức chỉ chiếm 4,4%, chăn nuôi 1,9%, tiểu thủ công nghiệp 1,9%, nội trợ 17,2%, già yếu 1,3% và nghề khác 13,1% (uốn tóc, chạy xe ôm, sửa chữa đồ điện gia dụng). Trung bình tổng số người trong hộ gia đình là 4 người, gồm 2 thế hệ. Số người trong độ tuổi lao động ở nam và nữ đều là 1 người. Đa số những hộ được hỏi đánh giá về mức sống của gia đình mình là trung bình (51,6%), số hộ tự đánh giá có mức sống nghèo chiếm 27,5%, khá giả chiếm 18,8%, rất nghèo là 0,9% và giàu chỉ có 1,3%. Nguyên nhân nghèo chủ yếu là gia đình không có đất sản xuất (33,3%), gia đình có người ốm đau, bệnh tật (28,9%), vợ không có thu nhập ổn định (22,2%), chồng không có thu nhập ổn định (12,2%). Nhìn chung, 320 hộ chúng tôi khảo sát chủ yếu sống bằng nghề nông, làm thuê nông nghiệp, dịch vụ và buôn bán.

2. PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG THEO GIỚI TRONG GIA ĐÌNH

2.1. Lao động tạo ra nguồn thu nhập cho gia đình

Hầu hết các công trình nghiên cứu về *phân công lao động theo giới trong gia đình* tập trung phân tích sự phân công giữa vợ và chồng theo hai vai trò: Người chồng là người tạo ra thu nhập để duy trì cơ sở vật chất của gia đình bằng cách cung cấp lương thực, nơi ở và là cầu nối gia đình với thế giới bên

ngoài. Người vợ là người mẹ thực hiện vai trò tình cảm, nuôi dưỡng có chất lượng để duy trì đời sống gia đình và đảm bảo cho gia đình vận hành một cách trôi chảy (Trần Thị Vân Nương, 2013, tr. 35-36). Các nhà nghiên cứu thường chia lao động gia đình làm hai loại: một loại gồm những hoạt động kinh tế tạo ra sản phẩm hàng hóa hay thu nhập. Một loại lao động gồm những công việc không trực tiếp tạo ra hàng hóa hay thu nhập bằng tiền (Trần Thị Vân Nương, 2013; Teerawichitchainan và cộng sự, 2008; Vũ Tuấn Huy, 2000; Trương Thị Thu Trang, 2008).

Theo chúng tôi, việc khảo sát phân công lao động theo giới chỉ dựa theo cách phân loại hai công việc như trên là chưa đủ mà phải xem xét cả phương thức sinh kế của gia đình đó. Gia đình thuần nông sẽ có sự phân công lao động giữa vợ và chồng khác với gia đình chuyên sống bằng nghề buôn bán, và cũng khác với những hộ chuyên chăn nuôi hay làm thuê nông nghiệp (có máy móc và không có máy móc), làm các dịch vụ chuyên chở hay tiểu thủ công nghiệp. Điều này giúp chúng ta tránh được lối mòn của lập luận rằng chồng thường là người tạo ra nguồn thu nhập chính cho gia đình, không làm việc nội trợ. Vợ là người ở nhà làm việc nội trợ và phụ thuộc chồng. Từ đó kết luận cho rằng mối quan hệ giữa nam và nữ hay giữa vợ và chồng trong gia đình là quan hệ bất bình đẳng giới.

Theo kết quả khảo sát, sinh kế của nông hộ Đồng bằng sông Cửu Long

có năm nhóm nghề: (1) canh tác nông nghiệp (trồng lúa và rau màu); (2) chăn nuôi (heo, lợn, bò, vịt, dê, tôm); (3) làm thuê nông nghiệp (có máy móc và không máy móc); (4) làm thuê phi nông nghiệp (bốc vác lúa, gánh cá, làm công nhân); (5) các dịch vụ (chạy xe ôm, chở đất bán làm bồn nuôi lợn), buôn bán (bán thực phẩm, tạp hóa, vật tư nông nghiệp, rau màu, mua bán gạo), chuyên chở (xà lan chở lúa, vật tư xây dựng), tiểu thủ công (nghề mộc, nghề may, làm nhang). Tùy theo sinh kế của từng gia đình, người chồng và người vợ sẽ có sự phân công lao động hợp lý để đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần của gia đình, và chăm sóc, nuôi dạy con cái, đảm bảo sự phát triển lành mạnh của gia đình.

2.1.1. Những gia đình canh tác nông nghiệp: trồng lúa và rau màu

Hình ảnh “chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa” của cánh đồng nông nghiệp truyền thống đã vắng bóng ở Đồng bằng sông Cửu Long. Hai khâu đòi hỏi nhiều nhân công lao động nhất trong canh tác lúa nước là làm đất và thu hoạch đã có máy xới, máy cày và máy gặt đập liên hợp thay thế sức lao động của con người nên sự phân công lao động trong gia đình đã thay đổi. Người vợ không phải cùng chồng ra đồng như trước đây mà phần lớn công việc trồng lúa do người chồng đảm nhiệm.

Theo Trần Hữu Quang (2013, tr. 100), kết quả khảo sát tại 3 tỉnh ở Nam Bộ (An Giang, Vĩnh Long, Bà Rịa-Vũng

Tàu) cho thấy nam giới tham gia phần lớn các khâu sản xuất nông nghiệp (60-90% hộ gia đình sản xuất nông nghiệp) và nữ ít tham gia sản xuất nông nghiệp (37-46% hộ gia đình).

Kết quả khảo sát của chúng tôi khá tương đồng với kết luận của Trần Hữu Quang. Đối với những gia đình canh tác cây lúa, phần lớn các khâu: làm đất, chăm sóc cây trồng, rải phân, phun thuốc, thu hoạch, đi vay vốn, mua giống và vật tư đều do người chồng thực hiện. Người vợ thường chỉ làm các việc nhỏ cỏ, mua bán sản phẩm, hoặc thậm chí không làm mà thuê mướn nhân công nếu gia đình có diện tích canh tác lớn.

Bảng 1. Phân công lao động theo giới trong sản xuất của hộ nông nghiệp

Đơn vị tính %

| Công việc | Lao động nam trong gia đình | Lao động nữ trong gia đình |
|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------|
| Làm đất | 55,0 | 17,5 |
| Gieo cấy | 75,4 | 40,2 |
| Chăm sóc cây trồng | 92,0 | 40,0 |
| Rải phân, phun thuốc | 83,2 | 11,9 |
| Thu hoạch | 40,8 | 22,0 |
| Đi vay vốn | 56,2 | 15,4 |
| Bán sản phẩm | 77,2 | 51,5 |
| Mua giống, vật tư nông nghiệp | 86,2 | 20,0 |

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài *Bất bình đẳng giới về giáo dục, việc làm, thu nhập và nghèo đói ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay: Tiếp cận nhân học và xã hội học*, 2014.

Sự cơ khí hóa nông nghiệp và những tiến bộ trong kỹ thuật canh tác nông nghiệp đã giúp người nông dân nhàn

roid hơn trên thửa ruộng của mình. Số giờ công lao động trực tiếp trên đồng ruộng giảm đi rất nhiều và không cần toàn bộ nhân công trong gia đình tham gia. Thông thường, người chồng chịu trách nhiệm chính trong sản xuất nông nghiệp, người vợ chăm sóc con cái hay chuyển sang làm các nghề phụ khác để tăng thêm thu nhập cho gia đình. Như vậy, sự phân công lao động theo giới trong những nông hộ trồng lúa còn chịu ảnh hưởng của quá trình hiện đại hóa nông nghiệp và sự tính toán lợi ích. Thay vì, dồn hết nhân lực vào làm ruộng thì phụ nữ thường được phân công làm những ngành nghề khác để tăng thêm thu nhập cho gia đình. Nên số hộ sống hoàn toàn bằng nghề nông ngày càng giảm⁽²⁾.

Những trường hợp sống bằng nghề nông là chính, có số ruộng tương đối lớn từ 10 ha trở lên, mà chúng tôi khảo sát, như: gia đình bà L.T.C.H. (sinh năm 1973), gia đình N.T.H.L (sinh năm 1959), ở ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An; gia đình của ông Đ.V.C. (sinh năm 1959, ấp Vĩnh Long), ông B.V.B. (sinh năm 1959, ấp Vĩnh Phụng) xã Vĩnh Trinh),... thì công việc làm nông đều do người chồng đảm nhận và thuê mướn thêm nhân công. Người vợ chỉ quản lý thu, chi.

Đối với xã Khánh Hưng, một xã kinh tế mới, mô tuýp chồng đi lên vùng kinh tế mới khai khẩn đất hoang trồng lúa, tạo thu nhập chính cho gia đình, vợ ở lại quê nhà để giữ gìn hương khói tổ tiên, nuôi dưỡng con cái và có thể làm thêm nghề phụ (buôn bán nhỏ tại nhà hay chăn nuôi) khá phổ biến.

Chẳng hạn như trường hợp gia đình ông L.V.B. (sinh năm 1966, xã Khánh Hưng).

N.C.T. (sinh năm 1983, xã Khánh Hưng) mô tả sự phân công lao động giữa nam và nữ trong một vụ lúa như sau: “Đàn ông làm đất, xong sạ lúa xuống, từ lúc này đến 20 ngày là giai đoạn người đàn ông chịu trách nhiệm. Từ 20 đến 26 ngày, phụ nữ cấy giặm. Sau ngày thứ 26, việc đi thăm đồng, theo dõi sâu bệnh của lúa trở lại là công việc của người đàn ông, cho đến khi thu hoạch lúa cũng chỉ cần đàn ông ra đồng. Tương tự, ông H.V.C. (sinh năm 1955, ấp Bàu Sen, xã Khánh Hưng) nói “ở những xã thôn quê vùng sâu vùng xa này không có việc khác ngoài nghề nông. Mà làm ruộng thì do đàn ông làm cả, không có việc cho đàn bà. Đàn bà chỉ ở nhà làm nội trợ thôi”.

Chúng tôi cũng đã theo K. - một người vác lúa thuê ra đồng (ấp Vĩnh Long, Vĩnh Trinh) và thấy rằng đúng như lời của những thông tin viên cung cấp: trên cánh đồng lúa lúc thu hoạch chỉ có đàn ông. Đàn ông lái máy gặt đập liên hợp và những người theo máy hướng lúa, vác lúa đưa lên bờ mẩu, lên ghe cũng đều là đàn ông. Người phụ nữ chỉ có mặt khi thương lái cân lúa. Một người nông dân có mặt ở thửa ruộng đang thu hoạch nói: “ngày xưa khi thu hoạch lúa còn thấy có người phụ nữ trên đồng ruộng vì họ đảm nhận khâu cắt lúa, nhưng hiện nay máy gặt đập liên hợp làm hết, người phụ nữ không còn phải cắt lúa thì họ

ra đồng để làm gì nữa” (Ông H, sinh năm 1959, xã Vĩnh Trinh) .

Như vậy, kết quả khảo sát định lượng và định tính đều cho thấy trong những gia đình làm ruộng (trên đất của gia đình sở hữu hay đất thuê), người chồng là lao động chính. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là nam giới giỏi kỹ thuật nông nghiệp hơn nữ giới nên phải gánh trách nhiệm đó. Những người phụ nữ góa chồng, vẫn có thể làm ruộng đạt năng suất cao như nam giới như trường hợp bà H.T.T. (sinh năm 1960, ấp Vĩnh Long, xã Vĩnh Trinh). Ngày chồng bà còn sống, bà chỉ làm phụ chồng, dù bà là kỹ sư nông nghiệp; nhưng hiện nay một mình bà canh tác 10ha ruộng lúa (có thuê mướn nhân công). Không chỉ trồng lúa hàng hóa, bà còn trồng lúa giống vốn đòi hỏi kỹ thuật cao. Hai người con trai được bà đầu tư học ngành nghề khác.

Kết quả nghiên cứu về sự phân công lao động giữa chồng và vợ trong việc sản xuất nông nghiệp ở Bắc Bộ ngược với kết luận trên của chúng tôi. Theo Vũ Mạnh Lợi (1990, tr. 38-39), tại xã Tam Sơn (huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, xã Quảng Bi và xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội), nữ giới tham gia các khâu công việc của nghề nông nhiều hơn hẳn so với nam giới nên họ là người quyết định chính trong công việc này. Thế nên chúng ta không thể chỉ dựa trên tỷ lệ làm nhiều hay làm ít của chồng và vợ trong việc sản xuất lúa như một chỉ báo của sự bình đẳng hay bất bình

đẳng, mà cần phải xem xét những chỉ báo khác.

Khác với canh tác lúa nước, canh tác rau màu cần nhiều nhân công để gieo trồng, chăm sóc, làm cỏ, bón phân, thu hoạch nên người vợ, người chồng, kể cả con trai hay con gái (nếu không đi học hoặc đi làm) đều tham gia. Tùy theo giới nam hay nữ mà các thành viên trong gia đình sẽ làm việc nhẹ hay việc nặng. Khi chuẩn bị xuống giống, chồng làm đất, vít đất, lên líp, vợ làm sạch cỏ, gieo hạt. Trong thời gian cây sinh trưởng, cả vợ và chồng đều tham gia tưới tiêu; chồng xịt thuốc diệt cỏ, phòng ngừa sâu bệnh, bón phân, vợ nhổ cỏ. Khác với thu hoạch lúa có máy gặt đập liên hợp, việc thu hoạch hoa màu hiện vẫn thực hiện bằng tay. Phụ nữ cùng chia sẻ công việc này với nam giới vì họ được cho là khéo léo và cần mẫn hơn. Người vợ cũng là người tìm nguồn tiêu thụ sản phẩm. Với vòng xoay mỗi vụ trồng bắp, hành, bắp cải, rau thơm, khổ qua... hơn 60 ngày, có những loại như ớt, cà, mướp, bí, bầu... thời gian thu hoạch kéo dài, người phụ nữ trong gia đình sẽ chịu trách nhiệm công việc thu hoạch. Lúc đó, người chồng sẽ tiếp tục cày xới, chuẩn bị xuống giống ở khu đất khác hoặc đi làm công việc khác để tăng thu nhập cho gia đình. Chẳng hạn, gia đình của ông N.H.S, (sinh năm 1960, ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An) chủ yếu sống bằng nguồn thu nhập từ hơn ba công đất trồng rau màu nên cả hai vợ chồng cùng tham gia công việc này, mỗi người một việc

tùy theo sức của mình, không phân biệt ai làm chính, ai làm phụ.

2.1.2. Những gia đình chăn nuôi

Tùy theo vật nuôi mà gia đình sẽ có sự phân lao động khác nhau. Đối với gia đình nuôi lợn, nuôi heo phụ nữ thường chịu trách nhiệm chính, nhưng gia đình nuôi tôm, nuôi bò, nuôi dê thì chồng đảm nhiệm chính. Tuy nhiên, sự phân công này cũng rất linh động. Trong trường hợp vợ ốm hay đi xa thăm họ hàng, dự tiệc hiếu hỷ thì chồng có thể làm thay và ngược lại.

Trong những hộ nuôi tôm quảng canh ở ấp Đông Hưng, xã Tân Hưng Đông, người chồng là lao động chính vì nuôi tôm là nghề lao động cực nhọc. Theo Ngô Thị Phương Lan (2013, tr. 7), “đối với nghề nuôi tôm, nam giới trở thành lao động chính vì công việc này đòi hỏi nhiều thời gian lao động dưới nước, các kỹ thuật và kiến thức phức tạp, công việc lao động nặng nhọc như sên vét ao vuông, chạy máy bơm, canh và chăm sóc tôm vào ban đêm. Ở các vùng nuôi tôm, đàn ông thường phải ngủ đêm ở các chòi để canh tôm, chăm sóc hay cho tôm ăn cho đến lúc thu hoạch”.

Ở xã Tân Hưng Đông cũng vậy, trong gia đình ông N.V.B. (sinh năm 1937), gia đình ông V. (sinh năm 1984), người chồng là người trực tiếp theo dõi và chăm sóc tôm, người vợ thỉnh thoảng phụ cho tôm ăn.

Đặc biệt, theo người dân ở xã Tân Hưng Đông, sự phân công lao động còn liên quan đến vấn đề kiêng kỵ. Người ta tin rằng phụ nữ trong những

ngày có kinh nguyệt khi ra thăm ruộng tôm hay sò huyết thì tôm và sò sẽ chết. Vì vậy, để đảm bảo an toàn cho nguồn vốn lớn đã đầu tư, người ta cấm phụ nữ ra thăm ruộng tôm, sò huyết hay tham gia các việc nuôi trồng. Ngay cả việc nuôi cá da trơn (như cá tra, ba sa), theo quan sát của chúng tôi phụ nữ cũng ít tham gia. Như vậy, trong một số công việc sản xuất, sự phân công lao động theo giới không đơn thuần được quy định bởi khả năng của giới mà còn liên quan đến sự kiêng kỵ, đó là nguồn gốc văn hóa của sự phân công lao động theo giới.

Công việc nuôi lợn khác với việc nuôi tôm, vì lợn thường được nuôi ở cạnh nhà và nuôi lợn cũng không phức tạp nên thường do phụ nữ khởi xướng và chịu trách nhiệm chính. Họ thường đảm nhiệm việc làm thức ăn và cho lợn ăn, với sự trợ giúp của người chồng là xay ốc, hay thay nước bồn lợn. Sự phân công này thấy rõ tại hai hộ nuôi lợn của bà P.T.L. (sinh năm 1953), bà P.C.B (sinh năm 1970) ở xã Vĩnh Trinh.

Công việc nuôi heo cũng thường do phụ nữ đảm nhận chính. Như gia đình ông D.V.T. (sinh năm 1980, ở xã Kiến An) nuôi 20 con heo thịt. Thỉnh thoảng ông cũng phụ vợ tắm heo và cho heo ăn. Ông nói với chúng tôi việc ông tắm heo hay cho heo ăn là ông làm giúp vợ, theo nghĩa là ông thương vợ chứ đó không phải là công việc của ông và vợ ông cũng hiểu như vậy.

Bà T.T.B. (sinh năm 1961, ấp Vĩnh Long, xã Vĩnh Trinh) nuôi 20 con bò,

nhà có trồng 7000m² cỏ gạo nhưng không đủ cho bò ăn. Hàng ngày, từ 7 giờ sáng, hai vợ chồng bà đi cắt cỏ mọc hoang ở xung quanh để có đủ cỏ cho bò ăn. Bà B nói thường bà chỉ cùng chồng cắt cỏ đến hơn 10 giờ rồi vào nhà nấu cơm, chồng bà tiếp tục cắt cỏ đến gần 12 giờ. Ăn cơm trưa xong, buổi chiều thường chỉ mình chồng bà đi cắt cỏ, bà ở nhà tắm bò và cho bò ăn.

Hộ của ông N.V.K. (sinh năm 1953, ấp Hòa Hạ, xã Kiến An) nuôi 6 con bò. Việc chăm sóc đàn bò do con trai ông K. chịu trách nhiệm. Công việc này trước đây do ông làm nhưng hiện nay ông đã già yếu nên con trai ông làm thay. Tuy nhiên, đối với việc đi mua bò thì ông vẫn đảm trách vì phải có kinh nghiệm mới chọn được những con bò giống tốt (bò có xương to, vóc cao), nuôi mau lớn, khỏe mạnh. Và theo ông, trong gia đình chỉ có đàn ông làm việc này, phụ nữ ít quan tâm và cũng khó tiếp thu những kinh nghiệm này.

Ông L.T.P. (sinh năm 1973, ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An) nuôi 20 con dê. Ngoài thời gian đi làm thuê nông nghiệp, ông là người chịu trách nhiệm chính đi tìm nguồn thức ăn cho dê. Theo ông, dê rất dễ ăn và ăn rất nhiều nên ông thường cắt lá mít, lá xoài, lá mận... với lượng lớn. Ông cho rằng đây là việc nặng nhọc nên ông là người chịu trách nhiệm chính. Khi ông có việc phải đi làm, vợ và con có thể thay ông cho dê ăn chứ không thể đi cắt lá cây vì không vác về nhà nổi.

Như thế tựu trung lại, đối với kinh tế nông hộ, sự phân công lao động theo giới dựa vào tính chất của công việc: nặng hay nhẹ, đòi hỏi kỹ thuật hay không cần kỹ thuật, công việc ở tại nhà hay ở xa nhà, công việc cần nhiều lao động thủ công hay máy móc thay thế lao động của con người. Tựu chung đàn ông thường đảm trách những công việc nặng nhọc đòi hỏi sức mạnh, công việc có liên quan đến kỹ thuật, công việc phải thực hiện trong môi trường có ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc phải làm ở xa nhà. Ngược lại, phụ nữ thường làm những công việc nhẹ nhàng hơn, việc cần tỉ mỉ, khéo léo hoặc việc ở tại nhà để tiện chăm sóc con cái. Và ai làm chính công việc nào sẽ là người quyết định công việc ấy, chứ không phải người chồng quyết định tất cả mọi sự và người vợ phải phục tùng.

2.1.3. Lao động làm thuê

2.1.3.1. Những gia đình làm thuê nông nghiệp

Khác với những gia đình có đất canh tác quy mô lớn, những hộ không có đất canh tác hoặc đất canh tác ít thường chuyển nhượng đất hoặc cho các hộ khác thuê đất và sống bằng nghề làm thuê nông nghiệp. Theo tính toán của họ, việc cho mượn đất với giá 4 triệu đồng/công/năm lợi nhuận cao hơn trực tiếp canh tác. Với những gia đình này, cả chồng và vợ đều làm thuê trên đồng ruộng cho các chủ đất khác. Người chồng làm thuê các công việc, như: trang đất cho mặt ruộng bằng phẳng, sạ lúa, bón phân, xịt

thuốc, vác lúa từ máy cắt ra bờ đê để đưa đi cân, lái máy cắt, hứng lúa ở máy cắt, vít đất, lên luống trồng rau màu. Người vợ sẽ làm công việc giặm lúa, nhổ cỏ, cấy lúa hay khử lẫn (nhổ những cây lúa lai) cho những hộ trồng lúa giống. Như gia đình của ông L.V.P. (sinh năm 1975, ấp Vĩnh Phụng, xã Vĩnh Trinh), chồng là tổ trưởng tổ làm thuê nông nghiệp (số thành viên của tổ dao động từ 13 đến 22 người, chỉ gồm đàn ông) có công việc làm quanh năm, còn vợ ông đi cắt lúa, nhổ cỏ nhưng không có việc thường xuyên.

2.1.3.2. Những gia đình làm thuê phi nông nghiệp

Ở địa bàn chúng tôi khảo sát, công việc làm thuê phi nông nghiệp thường là những công việc nặng nhọc, đòi hỏi sức mạnh cơ bắp nên ở những gia đình sống bằng những công việc này, nam giới thường là người gánh vác.

Ông L.V.T. (sinh năm 1974, ấp Vĩnh Long) và ông V.V.V. (sinh năm 1970, ấp Vĩnh Phụng, xã Vĩnh Trinh) đều nuôi sống gia đình bằng nghề gánh cá. Theo ông V., nghề này rất nhọc nhằn, chỉ đàn ông mới đủ sức làm. Công việc này đòi hỏi các khâu: bủa lưới, kéo - lùa cá - giật lưới, xúc cá vô chum, gánh lên cân, rồi gánh xuống ghe. Mỗi ngày, ông V. kiếm được 200.000 đồng, đủ trang trải trong gia đình. Còn vợ ông V. đi nhổ cải, hành, bó cải, bó hành thuê (vì vùng này chuyên trồng rau màu), nhiều nhất mỗi ngày chỉ kiếm được trên 50.000 đồng.

2.1.4. Những gia đình làm dịch vụ, buôn bán, chuyên chở và nghề thủ công

Ở ấp Vĩnh Phụng có khoảng 5 hộ chuyên nghề chở đất làm bồn nuôi lươn⁽³⁾. Công việc này nặng nhọc nên thường do nam giới làm.

Ông B.C.D. (sinh năm 1976, ấp Vĩnh Phụng, xã Vĩnh Trinh) thường dùng ghe để chở đất cung cấp cho những hộ làm bồn nuôi lươn được hơn 4 năm. Công việc này rất vất vả và đòi hỏi sức mạnh cơ bắp nên vợ ông không thể làm cùng ông. Thay vào đó, ông hợp tác với bạn bè trong ấp tạo thành một tổ 10 người cùng làm. Mỗi ngày, trừ chi phí dầu chạy ghe và tiền khấu hao máy móc, mỗi người có thu nhập 150.000 đồng. Đây là nguồn thu nhập tương đối ổn định.

Với gia đình nào có máy gặt đập liên hợp thì người chồng sẽ là người quản lý, điều hành cho nhân công đưa máy xuống đồng và con trai (nếu không muốn học cao hơn) sẽ được gia đình cho đi học kỹ thuật máy móc để đảm trách việc bảo trì và sửa chữa khi máy bị hư. Người con trai này cũng trực tiếp lái một máy, các máy còn lại thuê người lái và thuê luôn nhân công làm công việc hửng lúa, lái rơ-móc đưa lúa lên bờ mấu cho chủ ruộng. Như hộ bà L.T.C.H. (sinh năm 1973) có 4 máy xới, 2 máy gặt đập liên hợp và gia đình bà N.T.H.L. (sinh năm 1955) có 2 máy gặt đập liên hợp ở xã Kiến An đều có sự phân công lao động như trên. Người chồng trực tiếp nhận điện thoại từ “cò” ở địa phương để điều

hành việc đưa máy đi cắt. Nhưng người vợ lại là người chịu trách nhiệm quản lý thu chi của công việc này như ghi chép tiền công cắt, xới những chủ ruộng chưa thanh toán, trả tiền lương cho nhân công. Riêng nhà bà N.T.H.L. (sinh năm 1955) còn có một nhà máy sản xuất nước đá tại nhà (có thuê mướn nhân công trực tiếp làm) do bà quản lý, chồng bà ít có thời gian quan tâm đến việc này.

Như vậy, dù nguồn nhân lực mỗi gia đình có khác nhau, nhưng cách phân công lao động ở hai gia đình trên khá giống nhau nhằm phát huy tối đa lợi thế của từng thành viên trong gia đình. Người chồng có nhiều kinh nghiệm làm ăn đảm nhận việc quản lý, điều hành chung, con trai được học kỹ thuật sẽ trực tiếp lái, sửa chữa máy móc. Trong lĩnh vực đầu tư máy móc này vai trò của người phụ nữ chỉ ở “hậu trường”, tức làm công việc đi thu tiền công cắt lúa và trả công cho nhân công.

Nếu gia đình sống bằng nghề mua bán thì người vợ sẽ là người làm chính. Phụ nữ thường làm những công việc như bán thức ăn sáng, bán vé số, bán nước giải khát, bán tạp hóa, mua bán rau màu, mua bán gạo. Chỉ bán xăng và vật tư nông nghiệp thường do người chồng đảm nhiệm.

Như bà P.T.T.A. (sinh năm 1967, ấp Hòa Hạ, xã Kiến An) và bà N.T.H. (sinh năm 1969, ấp Phú Thượng 1) làm nghề bán rau củ. Do chồng làm nghề nông nên công việc buôn bán của hai bà không có sự giúp sức của

chồng. Theo họ đó cũng là điều bình thường, trong gia đình mỗi người một việc miễn sao đem lại nguồn lợi cho gia đình. Khi cần thêm người phụ họ có thể thuê mướn nhân công như những khâu chuyên chở giao hàng cho khách, thu hoạch rau củ ở vườn của nông dân, đưa hàng về nhà. Giao dịch buôn bán là công việc nhẹ nhàng nhưng phải nhạy với thị trường, ghi chép tỉ mỉ nợ của các bạn hàng nên thường chỉ phù hợp với phụ nữ. Đàn ông thường không tham gia vào những công việc này của vợ.

Gia đình bà L.K.T. (sinh năm 1975, ấp Vĩnh Linh, xã Vĩnh Trinh) sống bằng nghề mua bán gạo. Bà có hai con gái đang đi học, con lớn đang học lớp 11 và con nhỏ đang học lớp 2. Ông bà thường xuyên vắng nhà, con gái lớn của bà lo cho con gái nhỏ (và gần nhà có ông bà ngoại). Chồng bà chịu trách nhiệm lái ghe, bảo dưỡng và sửa chữa ghe. Bà phụ trách việc liên hệ với nông dân bán lúa, người mua gạo (công ty lương thực) để cuộc trao đổi diễn ra tốt đẹp đem lại lợi nhuận cao. Để biết được ai bán lúa, nhà máy nào đang cần gạo gì, cần số lượng bao nhiêu, giá cả thế nào thì bà dựa vào hệ thống “chân rết” (cò) tại địa bàn. Công việc này theo bà phải khéo léo, nhanh nhẹn, nắm bắt được tình hình lên xuống của giá gạo, loại gạo nào đang hút hàng nên chỉ thích hợp với phụ nữ, chồng bà ít quan tâm đến việc này. Mỗi người đảm nhiệm một việc trong cuộc mua bán gạo, nếu thiếu một trong hai người thì ghe không thể ra đi để mua lúa - bán gạo.

Nếu chồng hoặc vợ ốm thì ghe phải ở nhà.

Còn đối với những hộ kinh doanh xăng dầu và vật tư nông nghiệp, đàn ông sẽ đảm trách công việc này là chính. Hộ T.V.T. (sinh năm 1980, ấp Hòa Hạ, xã Kiến An) là vợ chồng trẻ mới ra riêng, được bố mẹ đầu tư cho một đại lý vật tư nông nghiệp tương đối lớn ở mặt đường của ấp Hòa Hạ. T. đã có kinh nghiệm về công việc này từ ngày còn sống chung với bố mẹ. Và để công việc thuận lợi hơn, T. đã tham gia các lớp kỹ thuật nông nghiệp do các công ty tổ chức. Khi đã có kiến thức cơ bản về nghề nông, T. có thể tư vấn cho nông dân nên mua loại giống nào, phân bón nào, nên bón các loại phân theo tỷ lệ như thế nào cho phù hợp với cây trồng, nên xịt thuốc nào, xịt liều lượng ra sao và khi nào... Khi đã tạo được niềm tin cho nông dân, cửa hàng kinh doanh của T. lúc nào cũng tấp nập nông dân đến mua hạt giống, phân, thuốc trừ sâu. Và theo T., công việc này phù hợp với đàn ông hơn với phụ nữ do đàn ông thường dễ nhớ tên thuốc, và nắm vững các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa để giải thích cặn kẽ cho nông dân khi bán thuốc. Vợ T. chỉ là người phụ lấy hàng đưa cho khách và tính tiền.

Ở An Giang và Cần Thơ có một số nghề thủ công phổ biến như nghề làm nhang, nghề mộc, nghề làm quạt sậy lúa, nghề chế máy tưới nước cho rau màu, nghề may. Trong đó phụ nữ thường làm nghề may và se nhang, đàn ông thì làm mộc, làm nghề tiện,

nghề hàn. Việc phân chia ngành nghề này dựa trên ưu thế của giới. Phụ nữ thích hợp với những công việc tỉ mỉ, nhẹ nhàng. Đàn ông có sức mạnh, có óc kỹ thuật làm những việc đòi hỏi sức khỏe, có tính kỹ thuật.

Kết quả khảo sát 320 phiếu điều tra bản câu hỏi hộ gia đình cũng cho kết quả tương tự như trong các cuộc phỏng vấn sâu. Kết quả thống kê cho thấy rằng giữa nam và nữ có sự khác biệt về nghề nghiệp ($\text{sig}=0,000<0,05$, $\text{df}=6$). Cụ thể, nam giới chủ yếu làm việc trong lĩnh vực trồng trọt/chăn nuôi (47,1%) và làm mướn (18,5%), trong khi đó công việc chính yếu của nữ giới có xu hướng trải rộng hơn như chăn nuôi (21,9%), nội trợ (27,4%) và buôn bán (19,4%).

Thống kê của cả nước khác với kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở Đồng bằng sông Cửu Long: người vợ đảm trách việc trồng trọt và chăn nuôi nhiều hơn nam giới, trừ công việc nuôi cá và đi làm thuê. Theo Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (2008), sự phân công lao động giữa nam và nữ đối với những công việc tạo ra thu nhập cho gia đình như sau: Đối với nghề nông, tỷ lệ phụ nữ phụ trách là 46,1%, nam giới 39,6%. Với công việc buôn bán, tỷ lệ phụ nữ cao gần gấp 3 lần nam giới: 20,1% so với 6,3%. Trong khi đó, ở một số nghề khác, nam giới thường chiếm ưu thế hơn: công nhân/thợ thủ công 21,8% so với 10,6%; dịch vụ cá nhân 12,0% so với 9,1%; công việc chuyên môn kỹ thuật 6,1% so với 3,1%; lãnh đạo chính quyền/đoàn thể 4,0% so với 1,8%.

Như vậy, theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, trong gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long, sự phân công chủ yếu dựa trên sinh kế của gia đình. Người chồng là người làm chính công việc canh tác nông nghiệp nhưng việc buôn bán tại nhà thường do người vợ đảm trách. Tuy nhiên, kết quả khảo sát 320 hộ trong mẫu nghiên cứu cho thấy nam giới có thu nhập cao hơn so với nữ: thu nhập trung bình của chồng là khoảng 52,2 triệu đồng/năm trong khi của vợ là khoảng 23,5 triệu đồng/năm.

Kết luận này tương đồng với kết quả điều tra cơ bản về bình đẳng giới năm 2005 của Lê Ngọc Vân (2012, tr. 43-58), tỷ lệ người chồng có đóng góp cho thu nhập gia đình là 98,1% và vợ là 92,5%. Trong ba vùng Bắc, Trung, Nam của Việt Nam, tỷ lệ phụ nữ không có đóng góp cho thu nhập gia đình ở Nam Bộ (17,5%) nhiều hơn ở Bắc Bộ (3,5%) và Trung Bộ (2,4%).

2.2. Đối với công việc không tạo ra thu nhập

Công việc không tạo ra thu nhập được khảo sát bao gồm: nấu ăn, quét dọn nhà cửa, đưa đón con đi học, chăm sóc và dạy dỗ con cái, chăm sóc người già, người bệnh, tiếp chuyện khi có khách, đi họp đoàn thể, chính quyền, họp phụ huynh, tham dự đám tiệc. Theo kết quả khảo sát 320 hộ ở Long An, An Giang, Cần Thơ và Cà Mau, người vợ làm công việc nhà nhiều hơn người chồng, nhất là đối với những gia đình làm ruộng (vì chồng gần như đảm nhiệm toàn bộ công việc sản xuất).

Kết quả kiểm định cho thấy rằng giữa nam và nữ có sự khác biệt trong việc nội trợ ($\text{sig}=0,00<0,05$, $\text{df}=4$), cụ thể có đến 92% phụ nữ làm nhiều hoạt động này trong khi đó nam giới ít khi làm, chiếm 48,7%.

Bảng 2. Phân công lao động công việc gia đình giữa nam và nữ

| Công việc | Người làm chính đvt: % chủ hộ | |
|--|----------------------------------|------|
| | Nam | Nữ |
| Nội trợ (nấu ăn, giặt quần áo, rửa chén, quét nhà) | 22,7 | 92,0 |
| Đi chợ | 19,3 | 80,1 |
| Tiếp chuyện khi gia đình có khách | 68,9 | 55,7 |
| Hợp phụ huynh cho con | 26,1 | 41,8 |

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài *Bất bình đẳng giới về giáo dục, việc làm, thu nhập và nghèo đói ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay: Tiếp cận nhân học và xã hội học*, 2014.

Kết quả khảo sát của chúng tôi (năm 2014) phần nào được củng cố thêm khi đối chiếu với kết quả điều tra năm 2012 ở Nam Bộ: số người tham gia lao động với nam là 84,0% và nữ là 69,6% (còn lại là số người còn đi học, thất nghiệp, nội trợ, già yếu, bệnh tật). Tỷ lệ nội trợ chiếm 12,5% nơi nữ giới, còn nam giới là 0,4% (Trần Hữu Quang, 2013, tr. 177). Như vậy, tỷ lệ nam lao động tạo ra thu nhập cao hơn nữ và nữ là người làm việc nội trợ nhiều hơn nam.

Kết quả khảo sát của chúng tôi cũng tương đồng với kết quả điều tra chung trên cả nước. Theo Trương Thu Trang (2008, tr. 36), tỷ lệ người vợ chủ yếu

làm các công việc giữ tiền chi tiêu cho gia đình, mua thức ăn, nấu cơm, rửa chén, dọn nhà, giặt giũ luôn vượt quá 50%, thậm chí có công việc lên đến 89%. Trong khi đó, tỷ lệ người chồng làm các công việc nội trợ là rất nhỏ, luôn dưới 11%. Các nghiên cứu khác cũng cho rằng dù bối cảnh kinh tế-xã hội ở Việt Nam hiện nay đã thay đổi rất nhiều nhưng phụ nữ Việt Nam vẫn tiếp tục là người chịu trách nhiệm chính trong công việc nội trợ của gia đình. Người chồng có chia sẻ công việc nhà với vợ nhưng không đáng kể (Nguyễn Thanh Bình, 2012; Houtrat và Lemercinier 1984; Le, 1995; Long và cộng sự, 2000; Pham, 1999; Vu, 1991) (Dẫn theo Teerawichitchainan và cộng sự, 2008, tr. 4).

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy người phụ nữ luôn là người đảm nhiệm chính những công việc nhà, những công trình trên đưa ra nhận định xã hội Việt Nam còn tồn tại sự bất bình đẳng giới trong phân công lao động ở gia đình. Theo chúng tôi, những nhận định này chưa thỏa đáng, ít nhất là đối với trường hợp ở Đồng bằng sông Cửu Long. Người chồng đã gánh vác trách nhiệm làm việc trên đồng ruộng, ngoài xã hội để mang về cho gia đình nguồn tài chính, thì không thể đòi hỏi họ phải đảm đương việc nhà ngang bằng với phụ nữ. Thông tin từ các cuộc trò chuyện giữa chúng tôi với người chồng hay người vợ trong gia đình sẽ góp phần lý giải nhận định rằng không có sự bất bình đẳng giới trong phân công lao động ở gia đình

dù người vợ làm công việc nhà nhiều hơn người chồng:

Bà L.T.C.H. (sinh năm 1973), và Bà N.T.H.L. (sinh năm 1964) là người không tham gia lao động sản xuất mà đảm nhiệm công việc nội trợ. Tuy nhiên, khi họ ốm đau hay có việc phải đi khỏi nhà, chồng họ cũng vào bếp nấu ăn cho gia đình. Hoặc khi không có việc đi ra ngoài, người chồng chủ động thay vợ nấu ăn để họ được nghỉ ngơi. Dù họ là người làm công việc nội trợ chính nhưng điều đó không có nghĩa phải tuyệt đối lệ thuộc chồng, bằng chứng là mọi thu nhập trong gia đình đều do họ quản lý và họ cũng là người điều tiết mọi chi tiêu trong gia đình. Khi cần đầu tư làm ăn hay mua đất đai, hai vợ chồng đều bàn thảo và cùng quyết định.

Ông B.V.B. (sinh năm 1960, ấp Vĩnh Phụng, xã Vĩnh Trinh) cho rằng “người chồng là trụ cột gia đình, làm ra của cải; người vợ giữ tiền, quán xuyến việc nhà nhưng khi vợ đau yếu hay có việc đi xa, chồng cũng có thể nấu cơm. Người đàn ông làm chủ gia đình, làm chủ tài sản nhưng phải tham khảo ý kiến vợ và phải là người lo làm ra của cải cho gia đình”. Ông D.V.C. (sinh năm 1955, ấp Vĩnh Long, xã Vĩnh Trinh) nói rằng: “Tôi thấy chuyện ra quyết định điều gì trong gia đình nếu bàn cho kỹ do hai người quyết định thì nó tốt hơn một người, bởi vì nhiều ý kiến nó hay hơn một ý kiến, mà có nhiều khi quyết đoán có khi nó cũng sai chứ không phải đúng đâu, ai mà đúng hết được, thành ra làm cái gì

tôi thấy có vợ chồng bàn kỹ nhau thì nó tốt hơn”.

Trong số những người chúng tôi phỏng vấn sâu, cá biệt có gia đình của bà L.T.P. (sinh năm 1973, ấp Vĩnh Long, xã Vĩnh Trinh) không có đất canh tác, chồng làm thuê nông nghiệp, con trai làm công nhân ở nhà máy chế biến thủy hải sản và con gái lấy chồng Hàn Quốc thường xuyên gửi tiền về nhà. Bà P. không đi làm thuê, thỉnh thoảng mới làm bánh tét, bánh bông lan theo đơn đặt hàng của những gia đình có đám tiệc ở trong xã, và chồng bà vẫn đảm nhiệm việc giặt giũ quần áo cho cả nhà và kiểm củi cho gia đình dùng. Bà P chỉ nấu cơm khi ông đi làm ngoài đồng. Nếu có ông ở nhà thì ông cũng có thể nấu cơm thay bà. Đối với gia đình bà P, đàn ông có thể là người tạo ra thu nhập chính cho gia đình, và cũng có thể là người làm công việc nhà nếu như ngày đó họ không đi làm. Phải chăng, đối với gia đình bà P, tư tưởng nam tôn nữ ti, quan niệm công việc nội trợ là bổn phận của người vợ đã bị mờ nhạt, giống như một số nghiên cứu đã nhận định: Khổng giáo vào Việt Nam, đặc biệt là ở Nam Bộ đã không còn nguyên vẹn (Do, 1999; Keyes, 1995; Werner và Balanger, 2002; dẫn theo Teerawichitchainan và cộng sự, 2008).

Đa số những hộ chúng tôi khảo sát, người chồng là lao động chính tạo ra thu nhập cho gia đình, vợ làm công việc nhà và chăm sóc con cái nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Tuy

hoàn cảnh gia đình và cơ hội việc làm dành cho nam hay nữ thuận lợi hơn mà đôi khi các công việc này được hoán chuyển cho nhau: chồng tạm thời làm việc nhà nếu vợ đang có việc làm tạo ra thu nhập ở bên ngoài. Chẳng hạn trường hợp ông L.T.P. (sinh năm 1973, ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An), thời điểm vợ và con gái đi làm nhiều mà ông không có việc làm thì ông sẽ nấu cơm, làm việc nhà. Theo ông, có như thế mới đúng lẽ ở đời “đồng vợ đồng chồng, tát bể đông cũng cạn”.

Từ 5 năm nay, ở huyện Vĩnh Thạnh có nhiều khu công nghiệp, nhiều nhà máy chế biến xuất khẩu hải sản được hình thành và có nhu cầu về nhân công rất lớn, nam nữ thanh niên đều dễ xin việc làm nên sự phân công lao động đã có thay đổi. Đối với những gia đình cả hai vợ chồng đều đi làm công nhân (gia đình N.H.K. sinh năm 1980; gia đình T.T.N, sinh năm 1985, gia đình N.H.C, sinh năm 1976 ở xã Vĩnh Trinh) thì người chồng phải chia sẻ việc nhà và chăm sóc con cái khi vợ đi làm (trường hợp làm theo ca). Tình hình này giống như một lãnh đạo UNICEF đã nói “Do thay đổi cơ cấu kinh tế và sự phân công nghề nghiệp mà ở một số lĩnh vực, người phụ nữ kiếm được nhiều tiền hơn nam giới và vai trò của họ trong gia đình cũng thay đổi, người đàn ông đảm trách việc chăm sóc gia đình, dạy dỗ con cái. Đáng mừng là sự thay đổi này không còn là chuyện hiếm gặp ở Việt Nam và trên thế giới” (Morten Giersing, 2001, dẫn theo Trần Thị Vân Nương,

2013, tr. 39). Chúng tôi tán đồng ý kiến với Trần Thị Vân Nương rằng: “nếu chúng ta vẫn sử dụng phương pháp thống kê ai làm công việc nội trợ nhiều thời gian hơn để kết luận rằng bất lợi thuộc về người thường xuyên phải làm các công việc nội trợ và làm nhiều thời gian hơn thì không còn thích hợp trong bối cảnh biến đổi gia đình hiện nay” (Trần Thị Vân Nương, 2013, tr. 34). Đối với những gia đình sống bằng nghề buôn bán nhỏ người vợ thường xuyên vắng nhà người chồng sẽ đảm nhận việc nhà và chăm sóc con cái. Và những người đàn ông này quan niệm đó là sự san sẻ trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình không xem việc nhà là việc con con chỉ do phụ nữ làm.

Ngược lại, với những gia đình đàn ông thường xuyên vắng nhà vì công việc, phụ nữ có nhiều thời gian rảnh rỗi, họ thường ở nhà và làm công việc nhà. Đây thuần túy là sự phân công lao động theo kiểu “ai có thời gian rảnh rỗi thì làm”, chứ không phải là sự phân công mang tính định kiến giới “việc nhà là công việc nhỏ mọn phải do phụ nữ làm”. Vì vậy, sự phân công lao động giữa nam và nữ cần được giải thích bằng lợi thế so sánh tính toán trong việc tối đa hóa phúc lợi của hộ (Lê Ngọc Vân, 1999, tr. 169; dẫn theo Trần Thị Vân Nương, 2013, tr. 10). Nghĩa là mỗi thành viên của hộ chuyên trách một số công việc nào đó sẽ có hiệu quả hơn nếu thành viên khác làm. Người đàn ông chuyên ra đồng, đi làm thuê để tạo ra thu nhập có thể cao hơn phụ nữ, nhưng không

thể làm công việc nhà và chăm sóc con cái, quản lý chi tiêu gia đình tốt bằng phụ nữ và ngược lại.

Mặt khác, hệ thống giáo dục xã hội (nhà trẻ, mẫu giáo, trường học) ở Việt Nam hiện nay chưa có đủ các dịch vụ để thay gia đình trong việc giáo dục và rèn luyện các kỹ năng sống cho trẻ em. Vì thế, việc người vợ dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc con cái không nên bị coi là phụ thuộc và chịu sự bất bình đẳng giới. Việc chồng đi làm kiếm tiền, vợ ở nhà chăm sóc con cái và làm công việc nội trợ là “cách bố trí lao động của gia đình theo mục tiêu đảm bảo sự ổn định và bền vững của gia đình trước những khó khăn của cuộc sống” (Trần Thị Vân Nương, 2013, tr. 41).

3. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy sự phân lao động giữa vợ và chồng trong gia đình, trong những công việc tạo ra thu nhập thường dựa trên tính chất công việc sao cho phù hợp với những đặc điểm sinh học của giới, và sự phân công lao động này không bị chi phối nhiều bởi định kiến giới. Những công việc nội trợ phần lớn do người vợ đảm nhiệm, nhưng điều đó không phải là sự bất bình đẳng, vì những trường hợp vợ chịu trách nhiệm công việc nhà là do không đi làm tạo ra thu nhập. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp người chồng tạm thời chưa có việc làm, trong khi người vợ đi làm, người chồng sẽ làm công việc nhà. Hay cả hai vợ chồng đều đi làm, người chồng buộc phải chia sẻ công việc nhà với

vợ để đảm bảo sức khỏe cho người vợ tiếp tục lao động tạo ra thu nhập.

Sự phân công lao động theo giới trong gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long không mang tính chất bất bình đẳng giới mà là sự phân công theo năng lực của giới và bằng lợi thế so sánh trong việc tối đa hóa phúc lợi của hộ. Là cư dân đã từ lâu tiếp xúc với nền kinh tế thị trường, người dân đã có sự lựa chọn duy lý làm sao cho sự đóng góp lao động của nam và nữ có hiệu quả kinh tế hơn, thiết thực hơn nhằm đảm bảo cuộc sống gia đình. Vì vậy, phân công lao động trong gia đình một mặt vẫn giữ lại khuôn mẫu phân công lao động giới mang tính truyền thống, nhưng mặt khác đã có sự thay đổi theo chiến lược sinh kế của hộ gia đình dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn trong bối cảnh kinh tế thị trường. Ở đây, nếu chỉ căn cứ vào sự tham gia lao động nhiều hay ít, thu nhập cao hay thấp để nhìn nhận vấn đề bất bình đẳng giới sẽ là hết sức khiên cưỡng. Sự phân công lao động giữa chồng và vợ trong gia đình cần được hiểu là “mỗi người một việc” cùng xây dựng mái ấm gia đình chung và có vai trò quan trọng như nhau. Người phụ nữ và cả nam giới ở Đồng bằng sông Cửu Long không cho rằng việc ở nhà làm nội trợ, chăm sóc con cái là sự bất bình đẳng giới.

Phân công lao động giữa chồng và vợ trong gia đình dựa trên lợi thế về giới thì quyền quyết định cũng dựa vào tính chất của công việc, ai làm chính

công việc nào sẽ là người có tiếng nói quyết định về công việc đó. Công việc làm nông do người chồng đảm nhiệm chính nên những việc liên quan đến nghề nông: mua bán đất đai, đầu tư máy móc, mua vật tư chủ yếu do người chồng đảm nhận. Đối với những việc mua bán nhỏ (bán nước

giải khát, thức ăn, rau màu) hay chi tiêu hàng ngày trong gia đình thì người vợ là người quyết định chính. Còn những việc đầu tư kinh doanh lớn thì cả hai vợ chồng cùng bàn bạc để quyết định. Chính vì thế, giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn lớn trong việc đưa ra các quyết định. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Cách tiếp cận nhân học văn hóa đối với chủ đề sự phân công lao động theo giới chú trọng đến việc tìm hiểu nguồn gốc văn hóa, logic xã hội ẩn đằng sau sự phân công đó, hơn là xem chồng hay vợ làm nhiều công việc tạo ra thu nhập hay không tạo ra thu nhập và xem đó như là chỉ báo của sự bất bình đẳng giới. Dữ liệu bài viết không chỉ dựa vào kết quả phân tích hai biến loại công việc và giới mà còn dựa vào thông tin thu thập từ quan sát tham dự và phỏng vấn sâu trường hợp. Trong bài viết này ngoài khung phân tích dựa vào sinh kế của gia đình, chúng tôi có nhắc đến những yếu tố: kiêng kỵ nghề nghiệp, quan niệm về sự bình đẳng có ảnh hưởng đến sự phân công lao động giữa chồng và vợ trong gia đình.

⁽²⁾ Theo Trần Hữu Quang (2014, tr. 1), kết quả khảo sát 480 hộ tại hai tỉnh Tiền Giang và An Giang, năm 2014 cho thấy chỉ có 28,8% hộ sống hoàn toàn bằng nghề nông (kể cả chăn nuôi), trong khi đó có đến 40,6% hộ sống bằng nghề nông là chính – tức là bên cạnh nghề nông, gia đình còn có thu nhập từ những ngành nghề khác. Số hộ sống bằng nghề nông và nghề phi nông nghiệp gần bằng nhau chiếm 7,5%, hộ sống bằng nghề phi nông là chính chiếm 9,6%, và 13,5% hộ sống hoàn toàn dựa vào nghề phi nông.

⁽³⁾ Đất được đắp thành bồn để lươn trú ngụ, được một thời gian đất sẽ nhão ra, khi đó người ta phải thay đất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Vân. 2012. “Một số khía cạnh về mối quan hệ vợ chồng qua các cuộc điều tra xã hội học gần đây ở Việt Nam”. Tạp chí *Gia đình và Giới*, số 2.
2. Ngô Thị Phương Lan. 2013. *Sinh kế, biến đổi sinh thái và sự thích nghi của con người ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm thương mại*. Khoa Nhân học, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM. <http://www.anthdep.edu.vn>, truy cập ngày 4/6/2015.
3. Nguyễn Hữu Minh. 2015. “Nghiên cứu bình đẳng giới trong gia đình ở Việt Nam: Một số khía cạnh phương pháp cần quan tâm”. Kỷ yếu hội thảo khoa học *Những vấn đề giới và gia đình Nam Bộ trong bối cảnh toàn cầu hóa*. Trường Đại học Thủ Dầu Một.
4. Nguyễn Thanh Bình. 2012. “The Division of Household Labor in Vietnamese Families at Present Time”. *International Journal of Academic Research in Business and Social Science*. Volume 2, No 5.

5. Teerawichitchainan, Bussarawan, Knodel, Vu Manh Loi, and Vu Tuan Huy. 2008. *Gender Division of Household Labor in Vietnam: Cohort Trends and Regional Variations (Phân công giới trong lao động gia đình Việt Nam qua những biến động xã hội)* PSC Research Report, No. 08-658.
6. Trần Hữu Quang. 2013. *Một số đặc trưng về định chế xã hội con người ở Nam bộ trong tiến trình phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020*. Đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, bản đánh máy.
7. Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh (chủ biên). 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
8. Trần Thị Vân Nương. 2013. “Phân công lao động theo giới trong gia đình”. Tạp chí *Nghiên cứu Giới và Gia đình*, số 3.
9. Trương Thu Trang. 2008. “Những yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong phân công thực công việc nội trợ giữa vợ và chồng”. *Thông tin Khoa học Xã hội*, số 4.
10. Vũ Mạnh Lợi. 1990. “Khác biệt nam nữ trong gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ”. Tạp chí *Xã hội học*, số 3 (31).
11. Vũ Tuấn Huy. 2000. “Phân công lao động nội trợ trong gia đình”. Tạp chí *Xã hội học*, số 4 (72).